

Số: *45* /2015/NQ-HĐND8

Thủ Dầu Một, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương
giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4141/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 - 2015 và Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020 với các mục tiêu chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu chung

a) Xây dựng tỉnh Bình Dương thành nơi có môi trường sống tốt, có sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

b) Phòng ngừa ô nhiễm ngay từ khâu xây dựng và phê duyệt các quy hoạch, dự án đầu tư, đảm bảo các quy hoạch, dự án đầu tư phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

c) Tiếp tục ngăn chặn không để ô nhiễm môi trường gia tăng, từng bước cải thiện chất lượng môi trường, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư, đô thị; cải thiện và nâng cao chất lượng nước của hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh.

d) Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên nước mặt, nước dưới đất, đất đai, khoáng sản; đảm bảo cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để và đảm bảo không để phát sinh trường hợp mới đạt 100%.

b) Tỷ lệ dự án đầu tư mới được bố trí phù hợp quy hoạch và phải có hệ thống xử lý và bảo vệ môi trường đạt 100%.

c) Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường đạt 100%.

d) Tỷ lệ các khu đô thị, khu nhà ở mới xây dựng hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải tập trung theo đúng quyết định phê duyệt đạt 100%.

đ) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt 70%.

e) Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý, tiêu hủy đạt 95%.

g) Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý, tiêu hủy đạt 100%.

h) Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có công trình vệ sinh đạt yêu cầu đạt 100%.

i) Tỷ lệ dân số trên địa bàn tỉnh được cung cấp nước sạch hoặc hợp vệ sinh đạt 100%.

k) Tỷ lệ che phủ rừng, cây lâm nghiệp, cây công nghiệp lâu năm đạt 57,5%.

3. Danh mục các nhiệm vụ, đề án trọng tâm (có phụ lục I kèm theo).

4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (có phụ lục II kèm theo).

5. Kinh phí thực hiện: Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020 là 12.174 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: 4.300 tỷ đồng (bao gồm: Vốn đầu tư phát triển 4.232 tỷ đồng và vốn sự nghiệp 68 tỷ đồng).

- Vốn vay (ODA): 7.874 tỷ đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020. Hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện, có đánh giá tiến độ kết quả thực hiện nhằm đảm bảo kế hoạch được triển khai đúng theo tiến độ và mục tiêu đến năm 2020. Kết thúc 05 năm thực hiện kế hoạch, tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện và tiến hành xây dựng kế hoạch giai đoạn tiếp theo trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê chuẩn.

2. Cùng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020 đồng bộ, có hiệu quả.

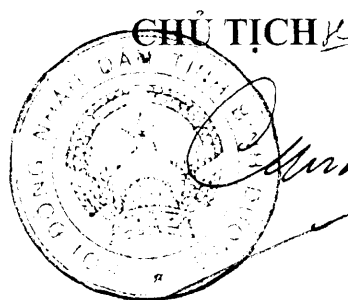
3. Chủ động trong chỉ đạo lập kế hoạch và bố trí đủ vốn để đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, trong đó xác định, tập trung ưu tiên vốn chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án trọng tâm nhằm đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên - Môi trường, Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website Bình Dương;
- Lưu: CV, VT.



Phạm Văn Cảnh



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP
TRONG KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số: 45 /2015/NQ-HĐND8 ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

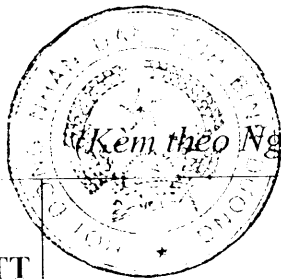
| Stt | Nhiệm vụ, đề án, dự án | Thời gian thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Cơ quan phê duyệt | Kinh phí (triệu đồng) | Ghi chú |
|-----|---|---------------------|-----------------|--|-------------------|-----------------------|---------|
| 1 | Chương trình truyền thông và nâng cao nhận thức về môi trường | | | | | | |
| 1.1 | Chương trình phối hợp liên tịch với các đoàn thể | Hàng năm | UBMTTQVN tỉnh | Các Hội, đoàn thể | - | 5.000 | - |
| 1.2 | Chương trình truyền thông môi trường | Hàng năm | Sở TNMT | Đài Phát thanh và truyền hình; Báo Bình Dương | - | 5.000 | - |
| 1.3 | Đề án sách xanh và giải thưởng môi trường Bình Dương | Hàng năm | Sở TNMT | BQL các KCN tỉnh; BQL KCN VSIP; UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | 2.000 | - |
| 2 | Chương trình nâng cao nhận thức và kiện toàn hệ thống quản lý chất thải rắn | | | | | | |
| 2.1 | Đề án thí điểm phân loại rác tại nguồn | 2016 - 2017 | Sở TNMT | UBND các huyện, thị, thành phố; Công ty Cấp thoát nước và môi trường Bình Dương | UBND tỉnh | 2.000 | - |
| 2.2 | Ban hành quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh (sửa đổi Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND) | 2016 | Sở TNMT | Sở Xây dựng, Y tế; BQL các KCN tỉnh; BQL KCN VSIP; UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | - | - |

| Stt | Nhiệm vụ, đề án, dự án | Thời gian thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Cơ quan phê duyệt | Kinh phí (triệu đồng) | Ghi chú |
|-----|--|---------------------|---|--|-------------------|-----------------------|---------|
| 2.3 | Tổ chức kiện toàn hệ thống quản lý chất thải rắn | 2016 - 2017 | Sở TNMT | BQL các KCN tỉnh; BQL KCN VSIP; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Công ty Cấp thoát nước và môi trường Bình Dương | - | - | - |
| 2.4 | Hoàn thiện hệ thống định mức, đơn giá xử lý chất thải rắn | 2016 | Công ty Cấp thoát nước và môi trường Bình Dương | Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở TNMT | UBND tỉnh | - | - |
| 3 | Chương trình vận động nhân dân đầu nổi nước thải đô thị | 2016 - 2020 | UBND thị xã Thuận An và thành phố Thủ Dầu Một | Công ty Cấp thoát nước và môi trường Bình Dương | - | 5.000 | - |
| 4 | Ban hành quy định thu hút và bố trí các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (sửa đổi Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND) | 2016 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Ban quản lý các KCN tỉnh; Ban quản lý KCN VSIP; Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một | UBND tỉnh | - | - |
| 5 | Ban hành Quy hoạch về Tài nguyên nước | 2016 | Sở TNMT | Sở Công Thương, Sở Xây Dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố. | UBND tỉnh | - | - |
| 6 | Ban hành Quy hoạch về khai thác khoáng sản | 2016 | Sở TNMT | Sở Công Thương, Sở Xây Dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố. | UBND tỉnh | - | - |

| Stt | Nhiệm vụ, đề án, dự án | Thời gian thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Cơ quan phê duyệt | Kinh phí (triệu đồng) | Ghi chú |
|-----|---|---------------------|----------------------------------|---|-------------------|-----------------------|-------------------|
| 7 | Xây dựng phương án ứng cứu sự cố môi trường do cháy nổ, tràn đổ hóa chất | 2016 | Sở Công thương | Cảnh sát PCCC; BQL các KCN; BQL KCN VSIP; UBND các huyện, thị xã, thành phố. | UBND tỉnh | 500 | Dự án chuyển tiếp |
| 8 | Tổ chức diễn tập các phương án ứng cứu sự cố môi trường do cháy nổ, tràn đổ hóa chất (hàng năm) | 2016-2020 | Cảnh sát PCCC | Sở Công thương; Sở TN&MT; BQL các KCN; BQL KCN VSIP; UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | 15.000 | |
| 9 | Điều tra khảo sát, lập dự án cải tạo hạ tầng cụm công nghiệp hiện hữu, cụm công nghiệp tự phát | 2016-2017 | Viện Quy hoạch phát triển đô thị | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở TN&MT; Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố. | UBND tỉnh | 4.000 | Dự án chuyển tiếp |
| 10 | Lập Đồ án Quy hoạch cao độ nền thoát nước mặt đô thị tỉnh Bình Dương | 2016-2017 | Viện Quy hoạch phát triển đô thị | Sở Xây dựng; Sở TN&MT, UBND các huyện, thị xã, thành phố. | UBND tỉnh | 2.000 | Dự án chuyển tiếp |
| 11 | Ban hành quy định về quản lý thoát nước tỉnh Bình Dương (sửa đổi Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND) | 2016-2017 | Sở Xây dựng | Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố. | UBND tỉnh | - | |
| 12 | Xây dựng quy hoạch môi trường tỉnh Bình Dương đến năm 2030, tầm nhìn 2040 | 2018 - 2019 | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | 2.000 | - |
| 13 | Đánh giá môi trường chiến lược theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2030, tầm nhìn 2040 | 2019 - 2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | 1.000 | - |

| Stt | Nhiệm vụ, đề án, dự án | Thời gian thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Cơ quan phê duyệt | Kinh phí (triệu đồng) | Ghi chú |
|-----|---|---------------------|--------------------------|---|-------------------|-----------------------|---------|
| 14 | Đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế - xã hội đến Tài nguyên nước dưới đất | 2016-2018 | Sở TNMT | Sở Công thương, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | 3.000 | - |
| 15 | Lập danh mục các nguồn nước, tổ chức cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 | 2016-2017 | Sở TN&MT | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị, thành phố. | UBND tỉnh | 2.000 | - |
| 16 | Điều tra, thống kê và xây dựng cơ dữ liệu các nguồn thải thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh | 2016-2017 | Sở TN&MT | UBND các huyện, thị, thành phố. | UBND tỉnh | 2.500 | - |
| 17 | Triển khai các dự án về đa dạng sinh học (Kế hoạch hành động đa dạng sinh học năm 2015 và định hướng 2020) | 2016-2020 | Sở NN&PTNT | Sở Tài chính, Sở TN&MT; UBND các huyện, thị xã, thành phố. | UBND tỉnh | 10.000 | - |
| 18 | Xây dựng các mô hình quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn môi trường giai đoạn 2016 - 2020 | 2016-2020 | Sở NN&PTNT | Sở Tài chính, Sở TN&MT; UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | 2.000 | - |
| 19 | Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020 | 2019- 2020 | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | 1.000 | - |
| 20 | Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác phòng chống lụt bão và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bình Dương | 2016-2019 | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở TN&MT | UBND tỉnh | 1.000 | - |
| 21 | Nghiên cứu đề xuất công cụ phục vụ kiểm toán nhanh năng lượng lồng ghép đánh giá tiềm năng sản xuất sạch hơn cho một số ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh Bình Dương | 2016-2019 | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Công thương; Sở TN&MT | UBND tỉnh | 1.000 | - |

| Stt | Nhiệm vụ, đề án, dự án | Thời gian thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Cơ quan phê duyệt | Kinh phí (triệu đồng) | Ghi chú |
|------------------|--|---------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------|-----------------------|---------|
| 22 | Điều tra đánh giá khả năng chịu tải và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm trên kênh, rạch cho vùng đô thị phía nam tỉnh Bình Dương | 2016-2019 | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở TN&MT | UBND tỉnh | 1.000 | - |
| 23 | Nghiên cứu xác định nguyên nhân bùng phát của cây lục bình trên địa bàn tỉnh và đề xuất biện pháp xử lý hiệu quả | 2016-2019 | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Công thương; Sở TN&MT | UBND tỉnh | 1.000 | - |
| TỔNG CỘNG | | | | | | 68.000 | |



Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRONG KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 45 /2015/NQ-HĐND8 ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

| STT | Dự án | Chủ đầu tư | Thời gian thực hiện | Tổng vốn đầu tư dự án | Vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 (tỷ đồng) | | | Ghi chú |
|------------------|--|------------------------|---------------------|-----------------------|--|---------------|------------|----------------------------------|
| | | | | | Tổng cộng | Vốn ngân sách | Vốn ODA | |
| I | NHÓM CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI | | | | | | | |
| 1 | Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ cho ứng cứu sự cố cháy nổ (hóa chất, nhiên liệu, chất thải...) | Cảnh sát PCCC | 2016 - 2020 | 205 | 205 | 205 | - | Dự án chuyển tiếp |
| 2 | Đề án xử lý chất thải y tế tỉnh Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn 2025 | Sở Y tế | 2016 – 2020 | 250 | 250 | 250 | - | - |
| 3 | Dự án đầu tư trang thiết bị tăng cường năng lực Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường – giai đoạn 1 | Sở TNMT | 2016 – 2017 | 15 | 15 | 15 | - | Dự án chuyển tiếp |
| 4 | Dự án đầu tư trang thiết bị tăng cường năng lực Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường – giai đoạn 2 | Sở TNMT | 2018 – 2020 | 50 | 50 | 50 | - | - |
| 5 | Dự án đầu tư nhà máy phân Composte – giai đoạn 2 | Công ty TNHH MTV CTNMT | 2016 - 2018 | 320 | 320 | 45 | 275 | - |
| TỔNG CỘNG | | | | 840 | 840 | 565 | 275 | |
| II | CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI | | | | | | | |
| 1 | Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Tiểu dự án 2 khu vực Lái Thiêu | Công ty TNHH MTV CTNMT | 2016 - 2018 | 5.954 | 5.954 | 834 | 5.120 | Dự án chuyển tiếp - Vốn ODA JICA |

| STT | Dự án | Chủ đầu tư | Thời gian thực hiện | Tổng vốn đầu tư dự án | Vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 (tỷ đồng) | | | Ghi chú |
|----------------------------------|--|-----------------------------|---------------------|-----------------------|--|---------------|--------------|--|
| | | | | | Tổng cộng | Vốn ngân sách | Vốn ODA | |
| 2 | Dự án thoát nước và xử lý nước thải thị xã Dĩ An | Công ty TNHH MTV CTNMT | 2017 -- 2022 | 2.571 | 2.571 | 504 | 2.067 | Vốn WB |
| 3 | Dự án thoát và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên (khu vực Miếu ông Cù) – Giai đoạn 1 | Công ty TNHH MTV CTNMT | 2016 - 2020 | 447 | 447 | 290 | 157 | Tổng vốn 894 tỷ (ODA ORIO) - Dự kiến giải ngân 50% vốn |
| TỔNG CỘNG | | | | 8.972 | 8.972 | 1.628 | 7.344 | |
| III | CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐẢM BẢO DÒNG CHẢY VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG | | | | | | | |
| 1 | Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp (giai đoạn 2) | Sở NN&PTNT | 2016 - 2020 | 600 | 600 | 600 | - | - |
| 2 | Hệ thống tiêu nước Bưng Biệp, suối Cát | Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh | 2016 - 2022 | 726 | 726 | 726 | - | - |
| 3 | Hệ thống tiêu nước chòm Sao - suối Dòn (giai đoạn 2) | Sở NN&PTNT | 2016-2020 | 270 | 270 | 15 | 255 | Vốn Ngân hàng ADB |
| 4 | Trục thoát nước suối Giữa | Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh | 2016-2022 | 598 | 598 | 598 | - | - |
| 5 | Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực suối Lò Ô (Dĩ An) | Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh | 2016-2020 | 50 | 50 | 50 | - | Chuẩn bị đầu tư |
| 6 | Dự án trục thoát nước suối Bưng Cù | Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh | 2016-2020 | 50 | 50 | 50 | - | Chuẩn bị đầu tư |
| TỔNG CỘNG: | | | | 2.294 | 2.294 | 2.039 | 255 | |
| TỔNG CỘNG (I + II + III): | | | | 12.106 | 12.106 | 4.232 | 7.874 | |